

I V# 88338

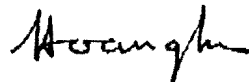
TRO HOANG (Kim Hoang)

To whom it may concern:

I am writing this letter in regarding my husband, TONG VIET HO who I have tried to sponsor since 1983. My husband was worked for the former government before 1975. Because of his activity before the war, he was in prison for 17 years. Following his release he has been clasified as RD1 on the H.O. list from the U.S. government requesting permission from the Vietnamese government for him to leave the country. Being on the list of priority and having a Visa since 1985, my husband has all the qualifications to reunite with his family - his wife and children whom he has not seen for 18 years. But twice he was scheduled to leave the country both times having airplane tickets in his hand, each time he was stopped by the Vietnamese government. Their reason of stopping him was that before he can leave the country he has to donate his house to the government. But the truth is he has never own a house in his life. The house we lived in before belonged to me which I sold 13 years ago when I left the country. It seems very unfair for my husband who is a victim in a polical ploid. He who spent almost half of his life in prison now struggles helplessly fighting back an unjusted system, what concerns me the most is the deteriorating of his mental health which is the result of 18 years of abuses both physically and mentally. His situation seems hopeless within our power. Therefore, I am begging you to help us as much as you can to resolve our problem. It is so painful for me to give in now after struggling 18 years to reunite with my husband.

I would appreciate to your concern and please inform me of any information that you can find out.

Sincerely,



Hoang, Tro Thi
September 28, 1993

HO CHI MINH CITY
INDEPENDENCE - PEACE - HAPPINESS

OUTGOING MAIL

(Seal)

LAND AND BUILDING BUREAU

September 14, 1993

Number: 53-31/6

03497 (LT)

TO: - UBND.TP (Internal Policy Section)
- BUREAU OF FOREIGN AFFAIRS
- INTERNATIONAL TICKETS OFFICE
- PORT SECURITY OF TAN SON NHUT

The Land and Property Bureau suggests that the Authority Agencies postpone the flight of: **Sept. 16, 1993** for the following families:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. TRAN THI BICH: | 506-335: 167B/2 PHAM THE HIEN Q3 |
| 2. NGUYEN VAN HOC: | H15-633: 86/19 LE LAI F14 TAN BINH |
| 3. NGUYEN THI BICH HAU: | 162-3001: 24A 1st STREET CAPITAL HOUSING Q3 |
| 4. NGUYEN THI MY LE: | H19-614: 329 NGUYEN DUY DUONG F4 Q10 |
| 5. DAO TRONG CHI: | H18-1073: 305/36/5 LE VAN SI F1 TAN BINH |

FLIGHT OF 9/15/93:

HO VIET TONG: 205-1025: 329 HAI BA TRUNG Q3**REASON: HAVE NOT FILED DECLARATION OF LAND AND BUILDING STATUS**

When these families have resolved their problems, the Bureau of Land and Building will notify the agencies for the continuation of the exit process.

DIRECTOR OF LAND AND BUILDING BUREAU

Illegible signature and seal

C.C:

- As above
 - Persons concerned
 - File: VP, PPDC
- NgL

Translated by: *Vuong T. Nguyen* 10-1-93
VUONG T. NGUYEN

Washington State Certified Court Interpreter

Translators note:

Names in this letter are left in the native language order (Last, Middle, First), numbers for family file and address could be not accurate due to fax quality.

Line: **FLIGHT OF 9/15/93; HO VIET TONG; 205-1025: 329 HAI BA TRUNG Q3** appeared to be

BỘ NỘI VỤ
Thủ Đức

Trại

Số 75 / CHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-Q1.TG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	1	8	2	0	9	2	7	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLB

Số 034

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thi hành án, quyết định của số

04/BNV

ngày

28

tháng

01

năm

1992

của

BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy này cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Hò Việt Long

Sinh năm 1937

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

quận 10, tp/HCM.

521/96/7 đường Lê Văn Duyệt,

Can tội

Thiếu tá, trưởng lưới sưu tập đoàn 60 đơn vị 101.

Bị bắt ngày

15-6-75

Án phạt

TTOT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

329 Hai Bà Trưng, quận 3, tp/HCM.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Tổng cố gắng. Trong lao động, học tập và chấp hành nội qui của trại.

Tiền đi đường đã cấp đủ từ trại về đến gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày 13 tháng 02 năm 1992

Lập tay nguyên gốc phải
của Hò Việt Long.

Đánh dấu số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy



Hoàng Sỹ Bình

Bong An 18.03
Đã nhận ông HS Việt Đông
đã đến trình diện Tòa phỉng

TP. HỒ CHÍ MINH Ngày 12 tháng 09 năm 1992
TRƯỞNG ỦA P. N. U. 8



Nguyễn Ngọc Giản

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

816 Airport Way South
Seattle, Washington 98134

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

HUANG - TRO VIET

NAME OF BENEFICIARY HO - TONG, VIET	
CLASSIFICATION 203(6)(2)	FILE NO.
DATE PETITION FILED 5-17-84	DATE OF APPROVAL OF PETITION 18 MAY 1984

Date: 18 MAY 1984

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS FILED BEHALF OF YOU, SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EFFECT THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSUL AT BANGKOK, THAILAND. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED IN THAT COUNTRY DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED. AT THE SAME CLASSIFICATION WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL ADVISE HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 90 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN (IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS).
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE; THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
7. ☒ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HERewith.
8. ☐ REMARKS

VERY TRULY YOURS,

James G. Tamm, Jr.

DISTRICT DIRECTOR

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 320337 CN

Họ và tên chủ hộ: Koàng Thị Đề

Ấp, ngõ, số nhà: 329

Thị trấn, đường phố: Kai Bô Trưng

Xã, phường: 8

Huyện, quận: Ba

Ngày 15/11/1992

SỞ Y BAN CHANH

Ngày 25 tháng 2 năm 1992

Trưởng công an: C3

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỒ

[illegible]

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

816 Airport Way South
Seattle, Washington 98134

NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

HUANG - TRO VIET

NAME OF BENEFICIARY HO - TONG, VIET	
CLASSIFICATION 203(2)(2)	FILE NO.
DATE PETITION FILED 5-17-84	DATE OF APPROVAL OF PETITION 18 MAY 1984

Date: 18 MAY 1984

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1. ☐ YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT _____ THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
2. ☐ IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION. AT THE SAME TIME, IF THE PETITION WAS FILED ON BEHALF OF YOU, SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EFFECT THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3. ☒ YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSUL AT BANGKOK, THAILAND. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISAS. VISAS ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISAS MAY BE ISSUED IN THAT CONSULATE DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED. AT THE SAME CLASSIFICATION WHEN THE BENEFICIARY'S TURN IS REACHED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL INTERVIEW HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
4. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. AN ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 90 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.
5. ☐ THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6. ☐ THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE; THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
7. ☒ ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HERewith.
8. ☐ REMARKS

VERY TRULY YOURS,

James B. Tamm, Jr.

DISTRICT DIRECTOR

Nguyen Van Nguu

August 1, 1993

Director
Orderly Departure Program
American Embassy
Box 58
APO AP 96546-0001

Re.: Interview # H16-929/AEA
IV # 333052

Dear Madam:

In my recent telephone conversation with the Bureau for Refugee Program, Department of State, I was told that my daughter named Nguyen Thi Thu Nguyet and her children were not eligible for entry to the United States because of three following reasons:

- a/ She is not part of my household;
- b/ She is not single;
- c/ She does not depend on me.

I would like to clarify with you these points:

1/ In 1975, I was sent to re-education camp. My wife and all of my children stayed together and often visited me while I was still being detained. My daughter, Nguyen Thi Thu Nguyet became head of household after my wife died in April 1986. On February 13, 1988, I was released and returned to our house and registered as a member of her household. I lived with her until I left Vietnam.

2/ My daughter was granted divorce on March 1988. Her husband remarried and has another child with his new wife. On September 18, 1992, after her interview, she was approved to accompany me to resettle in the United States with the following conditions:

- She must guarantee that she will not file petition for her divorced husband when she arrives in the U.S;
- She must submit her children's school transcripts to verify that they live with her;

- She must submit new marriage certificate of her husband with his second wife.

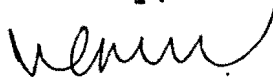
All of these documents were submitted on 9/28/92. My daughter and her children completed their medical examination on 11/21/1992. In February 1993, she received your rejection letter and we did not understand the reasons until I ~~arrived in the United States~~ and made contact with the Bureau for Refugee Program to find out about the above reasons of ODP's rejection.

3/ After my daughter received your approval to accompany me to resettle in the United States, she resigned her job as seamstress in waiting for departure. Unfortunately, in February, 1993 she received your letter to deny her entry to the United States of America. She has been unemployed ever since. While I was still in Vietnam, we have to rely on other family members for financial support because we were unable to find a regular job. Until now, my daughter is still jobless.

I came here alone. I am over sixty years old. Physically, I am not very healthy after more than thirteen years in prison. I suspect that I will be able to get a good job to support myself. Psychologically, I am so depressed for being here alone without children or relatives. Therefore, I would like to appeal to you and request your reconsideration in allowing my daughter and her children to join me in the United States. We will never forget your generosity and humanitarian attitudes in helping the Vietnamese political prisoners and their families to resettle in America.

Thank you very much for your reconsideration.

Sincerely,



Nguyen Van Nguu

VĂN PHÒNG DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ DỊCH THUẬT

INTERNATIONAL IMMIGRATION AND TRANSLATION SERVICES

6269 Leesburg Pike, Suite 100, Falls Church, VA. 22044 * Tel: (703) 241-9211

PEOPLE'S COURT
Nha Be District
Case No. 28/TL.LH
Date: 03/08/93

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Liberty - Happiness

EXTRACT FROM THE DIVORCE DECISION
NO. 16/QD.LH

Today, May 4th 1988 at the People's Court of Nha Ba District, we, Nguyen Ngoc Diep Deputy Judge with Ms. Lam Thi Thu served as secretary proceeded to make the divorce decision between:

- Plaintiff: Ms. Nguyen Thi Thu Nguyet, born in 1960, residing at 196/3 Ton That Thuyet, Ward 3, 4th Precinct, Ho Chi Minh city, occupation: merchant.
- Defendant: Mr. Pham Van Duc, born in 1955, residing at K056, Hamlet 4, Tan Thuan Tay village, Nha Be district, occupation: Merchant.

HISTORY

Ms. Nguyen Thi Thu Nguyet and Mr. Pham Van Duc married in 1977 but did not register for marriage license.

After the wedding, Ms. Nguyet came to stay with her husband's family, she claimed that they were not happy although they had three children because Mr. Duc did not trust and respect her family. According to Mr. Duc, they still lived happily until 1985. Then, his wife changed her life's style, they quarreled with each other. Later, around November 1987, Ms. Nguyet left their home and returned to her mother's home and started her own business. There is no longer happiness in the family. Ms. Nguyet later filed for divorce. In his efforts to reconcile, Mr. Duc wanted to make up their shortcomings, but Ms. Nguyet determined to continue her divorce, therefore, Mr. Duc agreed to divorce. The court had tried to reconcile several times without results.

About their children: They have three children together:

Pham Thi Minh Chau, born in 1978
Pham Van Duy, born in 1980
Pham Van Quang, born in 1983

After the divorce, they agreed that Ms. Nguyet has the custody over Pham Thi Minh Chau, born in 1978, Mr. Duc has the custody over Pham Van Duy, born in 1980 and Pham Van Quang, born in 1983. Ms. Nguyet gives 10kgs of rice as child support based on official price of the food supplies company, starting June/88 until Quang reaches adulthood.

About their properties: They had 01 Black/White Television 16", 01 Cassette Player, 01 "Singer" Sewing Machine and other miscellaneous items.

After divorce, they agreed that Ms. Nguyen gets the Cassette Player, and the sewing machine. Mr. Duc gets TV set and other miscellaneous items.

Based of their mutual agreement about their divorce decision between Ms. Nguyen Thi Nguyet and Mr. Pham Van Duc, and about their agreement on the children and properties.

Based on Articles 20, 36 of the law to organize the People's Court dated July 13, 1981.

DECISION OF THE PEOPLE'S COURT OF NHA BE DISTRICT

- To implement articles 40, 42, 44, 45 of the Family and Marriage Law announced on 01/03/1967.

- Husband/Wife Relationship: It is to recognize the divorce between Mrs. Nguyen Thi Thu Nguyet and Mr. Pham Van Duc.

- Their children: This is to recognize that Ms. Nguyet has the custody for Pham Thi Minh Chau, born in 1978 and Mr. Duc has the custody for Pham Van Duy, born in 1980 and Pham Van Quang born in 1983.

Ms. Nguyet will give 10 kgs of rice as child support for Quang, starting June 1988 until he reaches the adulthood. The rice price is base on current market price of the food supplies company.

They both have equally communal duties and rights for their children. For the benefit of the children, it is possible to change the arrangement for child care and support

- Communal properties: It is to agree that Ms. Nguyet owns 01 cassette player and 01 "Singer" sewing machine. Mr. Duc owns 16" Black/White Television and other miscellaneous items.

Divorce fee 300 piaters will be equally divided.

Both have the rights to appeal to the People's Court of Ho Chi Minh city in 15 days after this decision is made./.

People's Court of Nha Ba district
Deputy Judge NGUYEN NGOC DIEP (signed and sealed)
Extract true copy from the original
September 27, 1988
The People's Court of Nha Be District
Deputy Judge
Nguyen Ngoc Diep (signed and sealed)

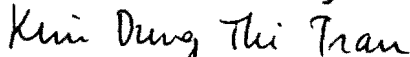
CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE:

I, Kim Hong Thi Tran, hereby certify that the above is an accurate translation of the Divorce Certificate in Vietnamese and that I am competent both in Vietnamese and English to render such translation.

Date: October 2, 1993

Signature: 

Certified true signature:



Kim Dung Thi Tran

Notary Public for the Commonwealth of Virginia

My Commission expires on November 30, 1994

VĂN PHÒNG DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ DỊCH THUẬT

INTERNATIONAL IMMIGRATION AND TRANSLATION SERVICES

6269 Leesburg Pike, Suite 104 * Falls Church, VA. 22044 * Tel: (703) 241-9211

TRANSLATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

page 1

CERTIFICATE OF FOOD RATION REGISTRATION HO CHI MINH CITY No. 404295/CN

Head of Household: NGUYEN THI MINH
Address number : 196/3
Street : Ton That Thuyet
Ward : 3
District : 4

Date: March 10th 1982
Security Chief of 4th District
(signed & sealed illegibly)

page 2

No.	Full name	NAMES OF PERMANENT RESIDENTS IN THE HOUSEHOLD	Relationship	Sex	DOB	ID No.	Occupation	Regist. Date	Date/Place new address
1	Nguyen Thi Minh	Head Household	F	7/19/32	020489975	Seamstress	10/01/76		
2	Nguyen T. Thu Nguyet	daughter	F	10/01/60	020518034	"	"	"	"
3	Pham Thi Minh Chau	grand child	F	10/21/78				10/31/78	
4	Pham Van Dzuy	grand child	M	07/07/80				07/17/80	
5	Pham Van Quang	grand child	M	12/09/83				12/21/83	
6	Nguyen Thanh Son	son	M	1955	022288844			02/13/87	
7	Nguyen T. Thanh Mai	Sister	F	1957				02/13/87	
8	Nguyen Van Nguu	Father	M	1928	022600537			04/05/88	
9	Nguyen Thanh Phong	Brother	M	1958	0222405879			10/04/89	
10	Nguyen Thanh Hung	Brother	M	1956				05/03/90	
11	Tran Thi Mien	Sister in law	F	1965	181340669			02/22/91	

True copy from the original
June 5, 1993
For the People's Committee of Ward 3
For the Chairman
Tran Thi Nga (signed and sealed)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE:

I, Kim Hong Thi Tran, hereby certify that the above is an accurate translation of the original FOOD RATION REGISTRATION in Vietnamese and that I am competent in both Vietnamese and English to render such translation.

Date: October 1, 1993

Signature:

Certified true signature:

Kim Dung Thi Tran

Kim Dung Thi Tran
Notary Public for the Commonwealth of Virginia
My commission expires on November 30, 1994

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ

Số thụ lý : 28/TL.LH

Ngày 08.03.1988

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ

Độc lập - Tự Do - Hạnh

() QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH

LY HÔN

Số : 16/QĐ.LH

-----000-----

Hôm nay ngày 4 tháng Năm 1988 tại Tòa án nhân dân Huyện Nhà Bè, chúng tôi Nguyễn ngọc Diệp Phó chính án có làm thụ lý làm thủ ký tiến hành xét kiện thuận tình ly hôn giữa :

Nguyên đơn : Chị Nguyễn thị Thu Nguyệt, sinh năm 1960 ngụ tại : 196/3 Tôn thất Thuyết Phường 3 Quận 4 TP.Hồ Chí Minh Nghề nghiệp : Duôn bán .

Bị đơn : Anh Phạm Văn Đức sinh năm 1955 ngụ tại : 1056 ấp 4 Xã Tân Thuận Tây - Nhà Bè . Nghề nghiệp : Duôn bán .

/)/ Q. I - D U H O

Chị Nguyễn thị Thu Nguyệt và anh Phạm Văn Đức xây dựng gia đình năm 1977/đang ký kết hôn

Sau khi cưới, chị Nguyệt và chồng sống với gia đình chồng, chị Nguyệt cho là vợ chồng không hạnh phúc đủ để có 3 con chung vì trong sinh hoạt anh Đức không tin tưởng và tôn trọng gia đình vợ, theo anh Đức vợ chồng vẫn sống hòa thuận đến 1985 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ anh thay đổi trong sinh hoạt, vì nghĩ ngờ nên vợ chồng có xung đột cãi vã nhau, thời gian sau này vào tháng 11/87 chị Nguyệt đã bỏ về nhà mẹ ruột và tách ra bán riêng một cặp khế. Cuộc sống vợ chồng không có gì hạnh phúc. Chị Nguyệt đã làm đơn xin ly hôn, trong quá trình hòa giải anh Đức muốn hòa giải lại tình cảm vợ chồng nhưng chị Nguyệt vẫn cương quyết, do vậy anh xét thấy vợ chồng sẽ không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn. Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không kết quả.

Về con cái và 3 con chung tên

- Phạm thị Minh Châu sinh năm 1978
- Phạm Văn Duy 1980
- Phạm Văn Quang 1983

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị Nguyệt nuôi giữ cháu Phạm thị Minh Châu, sinh năm 1978, anh Đức nuôi giữ hai cháu : Phạm Văn Duy sinh năm 1980 và Phạm Văn Quang, sinh năm 1983, chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 10kg gạo, kể từ tháng 6/88 đến khi cháu Quang trưởng thành, tính theo giá gạo của công ty hiện doanh lương thực lúc thi hành án.

Về tài sản : Vợ chồng tạo được có cái Tivi trắng đen 16in
01 máy Cassette hiệu SHIP, 01 đầu máy may hiệu SINGER, một số
vật dụng linh tinh .

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị Nguyệt sở hữu một máy
Cassette, 01 đầu máy may , Anh được giữ lại một cái Tivi và một số
vật dụng linh tinh .

Căn cứ vào sự thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn của
chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt và anh Phạm Văn Đức và sự thỏa thuận về
con cái và tài sản .

Căn cứ vào điều 20, 36 của luật tổ chức Tòa án nhân dân
công bố ngày 13.07.1981 .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ BÈ

(±) QUYẾT - ĐỊNH

- Áp dụng điều 40, 42, 44, 45 của Bộ luật hôn nhân gia đình
công bố ngày 03.01.1967 .

1) Về quan hệ vợ chồng : Công nhận việc thuận tình ly hôn
của chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt và anh Phạm Văn Đức .

2) Về con cái : Công nhận sự thỏa thuận giao chị Nguyệt
nuôi giữ cháu :

- Phạm Thị Minh Châu sinh năm 1978

Anh Đức nuôi giữ hai cháu tên :

- Phạm Văn Duy , sinh năm 1980

- Phạm Văn Quang " 1981

Chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 10 kg gạo
cho cháu Quang kể từ tháng 6/1980 đến khi cháu trưởng thành , tính
theo giá gạo của công ty Lương thực Lào Pô bình ổn .

Chị Nguyệt anh Đức được quyền đi lợi thêm học giáo dục
con chung .

Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết có thể thay đổi
việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con .

Và
3)/Tài sản : Công nhận sự thỏa thuận chị Nguyệt sở hữu

01 máy (mattress) hiệu NHAD

01 đầu máy may hiệu SINGER

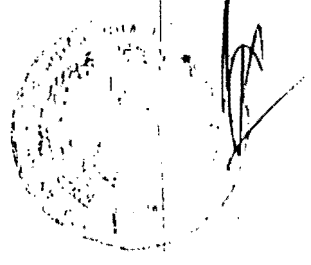
Anh Đức sở hữu : 01 Tivi trắng dân 16 in (một số vật dụng bình tính .

Ấn phí sơ thẩm 100 đồng (ba trăm đồng) mỗi bên nộp 150 đồng (một năm mươi)

Báo cáo các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tòa án TP. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

PHÓ CHÁNH ÁN

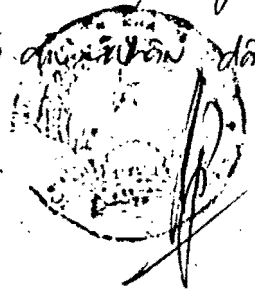


Nguyễn Văn Ngọc

Sao y bản chính

Ngày 27 tháng 08 năm 1988

Đã được nhân dân H. Nhà Bè
PHÓ CHÁNH ÁN



Nguyễn Văn Ngọc

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Thị Ngọc	chủ hộ	nữ	19.7.1932	02.04.9935	thợ may	01.10.1976		4 NK
02	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	con ruột	nữ	16.12.1960	02.05.18034	thợ may	01.10.1976		(1.0.2.3.4)
03	Phạm Thị Minh Châu	cháu	nữ	21.10.1978			31.10.1978		
04	Phạm Văn Hùng	cháu	nam	02.07.1980			17.07.1980		
05	Phạm Văn Hùng	cháu	nam	02.10.82			01.10.82		
06	Nguyễn Thanh Sơn	con	Nam	1955	022288844		01.6.1985		14
7	Nguyễn Thị Thanh Nga	chị	nữ	1957			13.2.1984		15
8	Nguyễn Văn Ngọc	cháu	Nam	1988	022607537		05.04.88		16
9	Nguyễn Thanh Hoàng	cháu	Nam	1958	0224051		04.10.89		17
10	Nguyễn Xuân Hùng	cháu	Nam	1976			09.05.90		18
11	Trần Văn Miên	cháu	nữ	1985	1985066		28.12.01		19
<p>Chứng y bản chính</p> <p>ỦY BAN KH. 8/93 CÔNG 3</p> <p>KTC. H. TON</p> <p>THÀNH THỊ NGON</p>									

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Thay đổi địa chỉ ở :
Đã thay đổi rõ ràng
Ngày 4/8/82
[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 404295 CN

Họ và tên chủ hộ :

Nguyễn Thị Minh

Ấp, ngõ, số nhà :

196/3

Thị trấn, đường phố :

Côn Chát Thuyết

Xã, phường :

Ba

Huyện, quận :

Củ

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an : [Signature]

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



[Signature]

Số NK 3 :

[Signature]



Embassy of the United States of America
Bangkok, Thailand

FEB 3, 1973

Nguyen Thi Thu Nguyet
196/3 Ton That Thuyet
P. 03, Q. 01
T/P Ho Chi Minh

Ref: Interview # H16-929/AEA
IV # 333052

Dear Nguyen Thi Thu Nguyet:

Following a thorough review of your case by this office, it has been determined that the following persons are not eligible for entry to the United States of America, under the Orderly Departure Program.

NGUYEN THI THU NGUYET
PHAM THU MINH CHAU

PHAM VAN DUU
PHAM VAN QUANG

This determination was based upon the following:

- The evidence submitted does not satisfactorily establish the claimed relationship between you and Nguyen Van Nguu. It appears that you are not single and part of Nguyen Van Nguu's household.

We regret that we cannot give you a more favorable reply.

Sincerely,

Consular Officer
Orderly Departure Program

Note: Correspondence to ODP from Vietnam should be mailed to the following address: So Ngoai Vu, 6 Thai Van Lung, Q. 1, T.P. Ho Chi Minh.

RAP: AEA/10k (7492x/9)

ODP-36
8/82

Date : Feb 25th 1993

REF : IV # 333052

H/16-929/AEA

TO : The Director
Orderly Departure Program
Bangkok-Thailand-

NGUYEN VAN NGUU
196/3 Ton That Thuyet St.
Phuong 3, Quan 4.
Ho Chi Minh City -VIETNAM-

Dear Sir,,

I have just received your office's letter of February 09rd 1993 concerning the case of my daughter, NGUYEN THI THU-NGUYET.

Basing on this letter, we were advised that NGUYEN THI THU-NGUYET, along with her 3 children was not eligible for entry to the USA accompanying me for the following reasons:

- She has not remained single
- She is not a member of my family.

I would like to declare some matters relating to my daughter, NGUYEN THI THU NGUYET, for your favorable re-consideration.

/1/ As for my daughter's single status/:

I do guarantee that, presently, my daughter NGUYEN THI THU-NGUYET is single on the evidence of the following documents:

- In my entry file (IV # 215684) as well as at the Interview, I have presented the copy of the Decree for Recognition of Divorce between PHAM VAN DUC and NGUYEN THI-THU NGUYET given by the People's court.

At the request of the ODP Officer in the Interview, I have submitted a copy of Marriage certificate between PHAM VAN DUC and another woman after their above-mentioned Divorce.

- And my Household Registration and the School-Records of her 3 children in support of my Application.

/2/ On my honour, I do guarantee that NGUYEN THI THU NGUYET is my natural daughter and member of my family.

- On this matter, I have also presented the Birth certificate, in which the Related details mentioned is that :

.../2

* NGUYEN THI THU NGUYET-Born on Dec 16th 1960 is the daughter of : Mr. NGUYEN VAN NGUU
Occupation : Captain (formerly)
and Mrs. NGUYEN THI MINH.

This Birth certificate was registered at TAN XUYEN Village, AN XUYEN Province (at that time) my unit occupied at AN XUYEN Sector).

- Basing on my children's Birth certificates and NGUYEN-THI THU NGUYET's as well as my Household Registration, I do guarantee that NGUYEN THI THU NGUYET is actually a member of my family.

Apart from this, during the time of my being re-educated in the concentration camp, including after my wife's death April 5th 1986, my daughter, NGUYEN THI MINH NGUYET has visited and supported me in the days of hard labour in the camp.

Until Feb 13th 1988, after being released, I returned to live with my daughter's family (THU NGUYET) and she has provided all the financial maintenance assistance since then because of my unemployment.

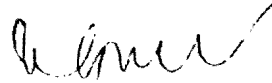
I do solemnly swear to speak the truth, the whole truth and nothing but the truth.

Would you please kindly re-consider my daughter case - NGUYEN THI THU NGUYET so that she may be permitted to leave for the USA accompanying me.

Thank for your assistance.-

Note : I have send to you some documents as follow :
- The household Registration
- The School-Records of 3 children
- The Birth certificate of
NGUYEN THI THU NGUYET.

Respectfully yours,



NGUYEN VAN NGUU

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường
Huyện, Quận
Tỉnh, Thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số
Quyển số



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên
Ngày, tháng, năm sinh
Nơi sinh
Dân tộc
Quốc tịch

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên		
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		

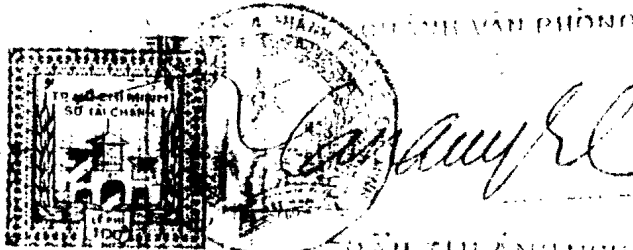
Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Người đứng khai

Đăng ký ngày
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
P. Chủ tịch
Võ Hoàng Tách

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày
T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



KHAI-SANH

CON CỦA	
NGUYỄN THỊ THU-NGUYỄN	HỮ
Tên họ	Mười sáu
Phái	Mười hai đương 18 ch.
Sinh ngày	Một ngày chín trăn sáu mươi, hồi 23 giờ 40 phút.
Tháng	
Năm	Tân-suyền (An-suyền)
Tại	
CON CỦA	
NGUYỄN VĂN NGUU	
Cha (tên họ)	Ba mươi hai tuổi
Tuổi	Đội-07
Nghề	
Tân-suyền	(An-suyền)
Trú tại	
NGUYỄN THỊ MINH	
Mẹ (tên họ)	Hai mươi tám tuổi
Tuổi	Hội trợ
Nghề	
Tân-suyền	(An-suyền)
Trú tại	
Chánh, hôn thú số: 13, ngày 30 tháng 8.	
Vợ (chánh hay thứ)	
đl. 1956.	
NGƯỜI KHAI	
NGUYỄN VĂN NGUU	
Lập theo lời khai của	NGUYỄN VĂN NGUU
Tên họ	Ba mươi hai tuổi
Tuổi	
Nghề	
Tân-suyền	(An-suyền)
Trú tại	
NGƯỜI CHỨNG	
Trước mặt:	
TRẦN NGỌC BÍCH	
Tên họ	
Tuổi	Hai mươi hai tuổi
Nghề	Nữ hộ sinh
Tân-suyền	(An-suyền)
Trú tại	
TRƯƠNG THỊ QUẾ-PHỤNG	
Tên họ	
Tuổi	Ba mươi chín tuổi
Nghề	Nữ hộ sinh
Tân-suyền	(An-suyền)
Trú tại	

Kiến-thị để nhận hợp
pháp chữ ký của Hội
Đồng-xã Tân-Suyền.
Quảng-Long, ngày 24-12-60

Quản-trưởng

HỒ-VNH-GY

Tân-Suyền, 22 tháng 12-ĐL. 60.
Tại ngày 19
NGƯỜI KHAI NGUYỄN VĂN NGUU
chữ ký: (NGUU)
ỦY VIÊN HỒ-TỊCH ĐOÀN VĂN THỌ
chữ ký: (THỌ)
CHỨNG TRẦN NGỌC BÍCH
chữ ký: (BÍCH)
TRƯƠNG THỊ QUẾ-PHỤNG
chữ ký: (PHỤNG)

Sao lục y trong bộ đời
Tân-suyền, ngày 23-12-1. 60.
H. H. Tịch

Chứng thốt:
Chữ ký của H. H. Tịch.
Tân-suyền, ngày 23-12-đl. 1960.
Đội-07

ĐOÀN VĂN THỌ

NGUYỄN VĂN BAY

:	:	NAME	:	IV #	:	HO LIST#:	RD LIST#:	REMARKS			
0	-	-	0	-	0	-	0	-			
:	1	:	Pham Duy Tat	:	264361	:	39	:	7	:	Already arrived
:	2	:	Bui Hop	:	86098	:	38	:	7	:	
:	3	:	Nguyen Van Tan	:	264702	:		:	7	:	
:	4	:	Nguyen Xuan Loc	:	116488	:		:	7	:	
:	5	:	Trinh Bao Chuong	:	25355	:		:	7	:	
:	6	:	Do Ke Giai	:	505151	:	40	:	7	:	
:	7	:	Nguyen Tu Thai	:	201522	:		:	7	:	
:	8	:	Nguyen Huu Hai	:	51494	:	40	:		:	
:	9	:	Tran Quang Luu	:	48980	:	39	:	7	:	
:	10	:	Huynh Kim Hieu	:	129394	:	40	:	7	:	
:	11	:	Truong Duy Tai	:	116639	:	38	:	7	:	
:	12	:	Nguyen Tham	:	280379	:	37	:	7	:	
:	13	:	Tran NGoc Diem	:	523657	:	39	:		:	
:	14	:	Ho Duc Sung	:	47209	:	39	:		:	
:	15	:	Nguyen Dat Phong	:	317028	:	40	:		:	
:	16	:	Le Van Loi	:	70494	:	39	:		:	
:	17	:	Nguyen The Hung	:	122478	:	39	:	7	:	
:	18	:	Vo Thanh Tong	:	54899	:	39	:	7	:	
:	19	:	Luong Khac Phap	:	122329	:	39	:		:	
:	20	:	Duong Van Vui	:	316578	:	39	:	7	:	
:	21	:	Le Kim Nhan	:	260575	:	39	:	7	:	
:	22	:	Phan Huu Nghi	:	276400	:	39	:	7	:	
:	23	:	Luong Trong Lat	:	205009	:	40	:	7	:	
:	24	:	Phan QUang Nghiep	:	260599	:	39	:	7	:	
:	25	:	Le Huu Minh	:	44653	:	39	:	7	:	
:	26	:	DANG Vinh Mai	:	283367	:	39	:		:	
:	27	:	HO Viet Tong	:	88338	:	39	:	1	:	
:	28	:	Huynh Thanh Nhon	:	66474	:	39	:	7	:	
:	29	:	Le Thanh Phuoc	:	253959	:	20	:		:	
:	30	:	Dang Van Nghiem	:	272341	:	39	:	7	:	
:	31	:	Pham Gia Dai	:	216276	:	40	:		:	
:	32	:	Tran Van Suu	:	81350	:	39	:		:	
:	33	:	Buu Uy	:	317047	:		:		:	
:	34	:	Dao Thanh Phong	:	276903	:	39	:	7	:	
:	35	:	Nguyen Huu Sao	:	75529	:		:		:	
:	36	:	Tran Van Man	:	68851	:		:		:	
:	37	:	Nguyen Duc Thang	:	89010	:		:	7	:	
:	38	:	Cao Nguyen Khoa	:	44078	:	39	:	7	:	
:	39	:	Vinh Bieu	:	30000	:		:	7	:	
:	40	:	Lam Minh Chanh	:	253961	:		:	7	:	
:	41	:	Tsan Soi Po	:	030723	:		:		:	
:	42	:	Truong Vinh Thuy	:	221893	:		:		:	
:	43	:	Le Dinh Luan	:	2869	:	38	:	7	:	

*** NOTES:

Out of the last 100 political prisoners still stranded in Vietnam we have so far received only the above mentioned names. Of the remaining former prisoners, some have already left VN., others have not yet communicated their bio-data to us. This list will be updated as we receive more information.



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 580-0058 * Fax: (703) 204-0394

May 6, 1992

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỎI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

RELEASED ON MAY 4, 1992

- GENERAL:

1/-	Đỗ Kế Giai	
2/-	Lê Minh Đảo	
3/-	Lê Văn Thân	
4/-	Trần Ba Di 4

TOTAL:.....		4
		=====



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635
Telephone: (703) 560-0058 * Fax: (703) 204-0394

May 2, 1992

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỎI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON APRIL 29, 1992

- COLONEL:

1/- Nguyễn Văn Hạng
2/- Nguyễn Văn Sảo
3/- Trịnh Bảo Chương 3

- Lt. COLONEL:

1/- Huỳnh Kim Hiếu
2/- Huỳnh Văn Kiên
3/- Nguyễn Hữu Hải
4/- Nguyễn Đạt Phong
5/- Trần Văn Mẫn
6/- Trần Văn Xoãn 6

- MAJOR:

1/- Phan Tân Ngẫu 1

- INTELLIGENCE OFFICER:

1/- Bửu Uy
2/- Nguyễn Đức Thắng 2

- DEFECTOR:

1/- Võ Văn Miên 1

- U.S. EMPLOYEE:

1/- Nguyễn Thanh Hỏa 1

- INTERPRETER:

1/- Hoàng Hiếu
2/- Phạm Gia Đại 2

TOTAL: 16



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 * Fax: (703) 204-0394

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

March 6, 1992

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON FEBRUARY 10, 1992

- COLONEL:

1/- Bui Quan Khương	
2/- Cao Văn Uy	
3/- Nguyễn Xuân Lộc	
4/- Nguyễn Kim Tây	
5/- Phạm Duy Khang	
6/- Phạm Văn Phô	6

- Lt. COLONEL:

1/- Hồ Đức Sung	
2/- Lê Văn Lợi	
3/- Nguyễn Văn Hưng	
4/- Thân Trọng U	
5/- Trần Văn Đấu	
6/- Trần Ngọc Diễm	6

- MAJOR:

1/- Đặng Văn Ngọc	
2/- Đào Thanh Phong	
3/- Dương Văn Vui	
4/- Hồ Văn Cơn	
5/- Hồ Việt Tổng	
6/- Huỳnh Minh Chiêu	
7/- Huỳnh Lam Điền	
8/- Huỳnh Thanh Nhỏn	
9/- Lê Hữu Minh	
10/- Lê Kim Nhan	
11/- Lữ Kim Ba	
12/- Lữ Trọng Lát	
13/- Lữ Khắc Pháp	
14/- Nguyễn Công Hâu	
15/- Nguyễn Công Quan	
16/- Nguyễn Hữu Trân	
17/- Phạm Tấn Ngọc	
18/- Phan Quang Nghiệp	
19/- Phan Kỳ Niêm	
20/- Trần Xuân Nưởng	
21/- Trường Vinh Thụy	21

33

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ON FEBRUARY 10, 1992

Page 1... 33

- LIEUTENANT:

1/- Lê Huy Quyên 1

- INTELLIGENCE OFFICER:

1/- Bui Quang Nghia
 2/- Nguyen Ngoc Tân
 3/- Trần Quang Lữ 3

- INTERPRETER:

1/- Trần Văn Sửu 1

Total:..... 38
 =====

RELEASED ON FEBRUARY 11, 1992

- GENERAL:

1/- Mach Văn Trường
 2/- Phạm Ngọc Sang
 3/- Phạm Duy Tất
 4/- Trần Quang Khôi 4
 =====

Subtotal... 42
 =====



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 * Fax: (703) 204-0394

FEB 03 1992

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

RELEASED ON JANUARY 15, 1991:

(from 1975 to 1992) = 17 years

- COLONEL :

- 1/- Lê Đình Luân
- 2/- Nguyễn Văn Cua
- 3/- Vĩnh Đắc 3

- LIEUTENANT COLONEL:

- 1/- Trần Văn Tiên
- 2/- Trường Duy Tài 2

- MAJOR :

- 1/- Đặng Vĩnh Mai
- 2/- Đoàn Bá Lộc
- 3/- Huỳnh Ngọc Thịnh
- 4/- Lâm Minh Sơn
- 5/- Lê Công Hoan
- 6/- Lê Thới Nguyên
- 7/- Lê Hữu Tông
- 8/- Nguyễn Văn Đột
- 9/- Nguyễn Thế Hùng
- 10/- Nguyễn Tâm
- 11/- Phan Hữu Nghi
- 12/- Trần Chanh Trí
- 13/- ~~Tan Sung Pho~~
- 14/- Võ Thanh Tông 14

- INTELLIGENCE OFFICER:

- 1/- Châu Văn Sỹ
- 2/- Châu Văn Ty
- 3/- Lê Anh Kiệt
- 4/- Hoàng Lam
- 5/- Huỳnh Tường Sanh
- 6/- Nguyễn Văn Chương (deceased)
- 7/- Nguyễn Văn Hai
- 8/- Nguyễn Thanh Long 8

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
RELEASED ON JANUARY 15, 1992

From page 1:..27

- POLITICIAN:

1/- Nguyễn Đình Huy
 2/- Võ Trang 2

- CAPTAIN:

1/- Đặng Văn Nghiêm
 2/- Dương Đức Hiền
 3/- Lê Văn Quang
 4/- Nguyễn Thành Nguyên
 5/- Phạm Đức Hoàng
 6/- Trần Quang Trưởng
 7/- Vũ Văn Nhật
 8/- Thường (First name) 8

- LIEUTENANT:

1/- Lê Văn Quyên 1

TOTAL:..... 38



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 * Fax: (703) 204-0394

November 5, 1991

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIEP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIEP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON SEPTEMBER 2, 1991 (VIETNAM'S NATIONAL DAY)

: NAME (Last&First name) : RANK/OCCUPATION

-----o-----

: 1/- Bùi Hốp	: Colonel
: 2/- Cao Nguyên Khoa	: Colonel
: 3/- Hồ Văn Kiệt	: Lt. Colonel
: 4/- Nguyễn Văn Sang	: Lt. Colonel
: 5/- Nguyễn Văn Tấn	: Captain (Navy)
: 6/- Nguyễn Thâm	: Intelligence Officer
: 7/- Trần Văn Đấu	: Intelligence Officer
: 8/- Trần Quốc Di	: Colonel
: 9/- Trần Hữu Độ	: Colonel
: 10/- Trần Duy Hình	: Major
: 11/- Trần Kim Huê	: Intelligence Officer
: 12/- Trương Kim Cang	: Intelligence Officer
: 13/- Trương Văn Ty	: Lt. Colonel
: 14/- Vinh Biều	: Colonel
: 15/- Nguyễn Văn Phúc	: Colonel



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 • Fax: (703) 204-0394

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.Ư.
Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cô Văn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

**AGENDA FOR THE MEETING BETWEEN
OFFICIALS OF THE DEPARTMENT OF STATE AND
REPRESENTATIVES OF THE FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION AND
OF FORMER POLITICAL PRISONERS**

October 4, 1993

3:00 PM

We wish to discuss the following issues:

1. In cases where political prisoners have died in the camps and their spouses have also passed away or are missing, to allow their children to emigrate to the United States under the provisions applicable to children of deceased political prisoners, but whose spouses are alive. From information provided to us, these circumstances apply to Ms. Doan Thi Thanh My (IV# 61155; both parents are dead) and to Mr. Nguyen Phat Khoi (IV# 116466, father dead; mother missing.)
2. To allow former political prisoners who have legally married since 1990 to leave under the H.O. Program. A letter on this matter, which was addressed to Senator Kennedy, is attached for your information.
3. The children of former political prisoners who, without being legally married, have children of their own, have been refused admission to the United States under the program even after having submitted legal proof and documentation of separation from their common law spouses. To allow these single parents to emigrate to the United States under the same conditions applying to unmarried children of former political refugees.

4. To allow unmarried children of former political prisoners, who for various reasons, such as work, now live separately from their parents, to emigrate together with their parents.
5. To allow married children of prisoners to emigrate to the United States as immigrants or parolees. This would provide for complete reunification of political prisoners and their close relatives after many years of long separation.
6. To pursue the resettlement program for former political prisoners even after the normalization of relations between Vietnam and the United States either through reunification or free cases.
7. Accept for resettlement relatives (wives and children) of former political prisoners who meet the ODP conditions for resettlement but have since died.
8. Accept for resettlement former political detainees who were captured before 1975 and count time spent in jail before 1975 towards the three years required by ODP for priority eligibility , such as the case of Nguyen Van Thanh (IV# 252961.)
9. Of the 115 prisoners released from re-education camps between September 1991 and May 1992 how many have arrived in the U.S.? This information would be helpful for the purposes of planning our 1994 reception for former political prisoners to be held on Capitol Hill.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BC Father died 0635

IV#: 116466

VEWL.#: 48576

I-171: Y N

EXIT VISA.#: yes

* CHILDREN *
* WIDOW OF FORMER P *
* REGISTRAR *
* (Two CC *

Agenda #1

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Phat Khoi
Last Middle First

Current Address 99 Dien Bien Phu, Quan 1, Thanh Pho Ho Chi Minh

Date of Birth 8-1-68 Place of Birth Vietnam

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN PHAT LOC

Previous Occupation (before 1975) Chief of Central CIA of Vietnam
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1975 To DEATH DATE: 10/28/88

3. SPONSOR'S NAME: Khuc Minh Tho
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN PHAT KHOI
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyen Phat Khoa	6/16/72	Brother
Nguyen Qui Anh	2/18.74	Sister

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

MINISTÈRE DE L'INTERIEUR

CENTRE : NAM HÀ

1° : 23/87

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM

Độc-lập Tự-do Hạnh-phúc

00087600382

SHSLD

-0-

PROCÈS-VERBAL DE DÉCÈS DE PRISONNIERS

Ce jourd'hui 28.10.1987

Au Centre de rééducation Nam Hà

Nous :

Surveillant : Lưu văn Hán

Médecin : Nguyễn văn Cảnh

Cadre de permanence : Bùi Tấn Huỳnh

Témoin : Nguyễn xuân Minh

Dressons procès-verbal sur prisonniers :

Prénom et nom : Nguyễn Phát Lộc né en 1935

Lieu de naissance : Tường Lộc - Tam Bình - Vĩnh Long

Lieu de résidence : 99 Điện Biên Phủ TP. Hồ Chí Minh

Inculpation : Directeur de la Direction d'Etudes, inculpé le 15.6.1975

Peine : TTCT suivant décision N° 55 du 2.8.1976

Du : Ministère de l'Interieur

N° matricule de prisonnier : 2822 du 23.8.1975 à : NV15

Après une période de traitement à : Infirmerie - Hopital

Les docteurs se désolaient pour la guérison, mais la maladie était trop grave, l'intéressé mourut à 2 heures du 28.10.1987

Au : Centre de rééducation Nam Hà

A la suite de la maladie : Tuberculose pulmonaire grave

Le Centre a organisé l'enterrement à : Cimetière 20

N° du tombeau : 245

Procès-verbal dressé a été relu à toutes les personnes présentes qui certifient exact et signent :

TÉMOIN

CADRE DE PERMANENCE

MÉDECIN

SURVEILLANT

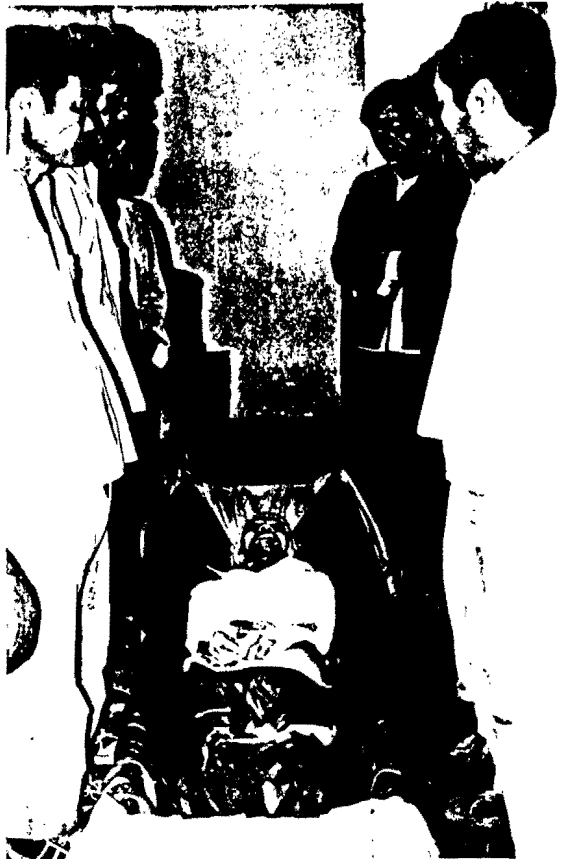
Signé: Nguyễn Xuân Minh

Huỳnh

Nguyễn văn Cảnh

Lưu văn Hán

(Lieutenant Colonel
Cachet)





HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 • Fax: (703) 204-0394

Hội Đồng Quản Trị
Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
TRẦN KIM DUNG
NGUYỄN THỊ KHEN

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
Vice President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRƯƠNG THỊ LANG ANH
Treasurer
NGUYỄN THỊ KHEN
Deputy Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN
TRẦN KIM DUNG

August 14, 1992

The Honorable Priscilla Clapp
Senior Deputy Assistant Secretary
Bureau for Refugee Programs
Department of State
Washington, D.C. 20520

Dear Ms. Clapp:

On behalf of the Families of Vietnamese Political Prisoners Association we would like to bring to your attention two specific cases involving:

Le Van Khoa, IV 316627, HO-16-387
Nguyen Viet Truong Son, IV 316635, HO-16-352

As you will recall, we had a meeting with you on January 24, 1992, at which time we brought to your attention our issues and concerns. Specifically, we had been advised of the existence of a group of former Vietnamese political prisoners who were arrested prior to 1975 as the result of their participation in battles in Laos and Cambodia side by side with the United States Army. In addition to the two above-referenced cases you may recall a particular case we brought to your attention when we met. Specifically, this case involved Nguyen Van Thanh, IV #252961, who was detained May 30, 1971 through February 1976.

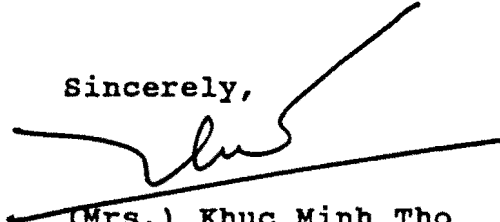
In spite of having been issued exit visas, these prisoners have been denied entry to the United States as the ODP does not take into account years of imprisonment prior to 1975. In our view, this group should have the same considerations as other political prisoners since they all fought for the same causes...which are freedom and democracy in South Vietnam.

The Honorable Priscilla Clapp
Senior Deputy Assistant Secretary
August 14, 1992
Page Two

I have attached, for your review documentation regarding the issues and concerns around the three cases that I am presenting to you.

To date, these cases have not been satisfactorily resolved and we continue to patiently await resolution. Your kind intervention and assistance in this particular matter would be greatly appreciated. If you feel it is necessary that we meet again to discuss this issue in more detail, please feel free to contact me at your convenience.

Sincerely,

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Khuc Minh Tho', written over a horizontal line.

(Mrs.) Khuc Minh Tho
President

KMT/lrc-d
Attachments